

THỎA THUẬN
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÊ DUYỆT
GIÁM ĐỐC

DANH MỤC SỐ LƯỢNG HÀNG HÓA
Đính kèm YCKT VỀ IN BIỂU MẪU NĂM 2026

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	Số lượng
1.	Đơn thuốc A5 dọc	Tờ	2,000
2.	Đơn thuốc song ngữ A5	Tờ	1,000
3.	Phiếu điều trị - A4	Tờ	2,500
4.	Sổ bàn giao người bệnh chuyển viện 15x21cm	Cuốn	4
5.	Áp phích truyền thông về PCD SXH	Cái	100
6.	Áp phích truyền thông về an toàn vệ sinh thực phẩm	Cái	50
7.	Áp phích truyền thông về YTLĐ	Cái	100
8.	Bảng rôn PCD SXH	Cái	20
9.	Bao đựng phim CT & MRI (40x55 cm)	Cái	7,000
10.	Bao đựng phim KSK (cho phim 25 x 35cm)	Cái	1,000
11.	Bao đựng phim X quang 30x47cm	Cái	15,000
12.	Bệnh án lưu cấp cứu A4	Tờ	15,000
13.	Bệnh án ngoại khoa	Tờ	500
14.	Bệnh án nhi	Cuốn	100
15.	Bệnh án nội khoa	Tờ	2,000
16.	Bìa bệnh án (12 gáy)	Cuốn	1,000
17.	Bìa Hồ sơ nội soi tiêu hóa	Cuốn	1,000
18.	Bìa Bệnh án Phục hồi chức năng ngoại trú	Cái	1,200
19.	Bìa Bệnh án Y học cổ truyền ngoại trú	Tờ	400
20.	Biểu mẫu BẢNG NHIỆT ĐỘ (Mẫu 11)	Tờ	120
21.	Biểu mẫu CHỈ ĐỊNH DỊCH VỤ TRẢ PHÍ (Mẫu 12)	Tờ	120
22.	Biểu mẫu CHỈ ĐỊNH NGHỈ ỒM (Mẫu 7)	Tờ	180
23.	Biểu mẫu CHỈ ĐỊNH TIÊM Vắc xin PHÒNG NGỪA (Mẫu 5)	Tờ	60

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	Số lượng
24.	Biểu mẫu CHỨNG NHẬN (có thể đi học, mẫu giáo) (Mẫu 6)	Tờ	480
25.	Biểu mẫu CHỨNG NHẬN (đến phòng tập thể dục) (Mẫu 8)	Tờ	600
26.	Biểu mẫu CHỨNG NHẬN Về việc thông qua HỘI ĐỒNG Y TẾ (Mẫu 3)	Tờ	48
27.	Biểu mẫu diary of case history (Mẫu 13)	Tờ	120
28.	Biểu mẫu Emergency call report (Mẫu 15)	Tờ	120
29.	Biểu mẫu Giấy chỉ định của bác sĩ thần kinh để chụp MRI/EEG (Mẫu 16)	Tờ	120
30.	Biểu mẫu Giấy giới thiệu của bác sĩ nhi khoa để tiêm chủng (Mẫu 20)	Tờ	180
31.	Biểu mẫu Giấy giới thiệu khám bác sĩ chuyên khoa / (Mẫu 18)	Tờ	120
32.	Biểu mẫu Kết luận y tế cho bệnh nhân có bảo hiểm (Mẫu 17)	Tờ	120
33.	Biểu mẫu KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM TẾ BÀO HỌC SỐ (Mẫu 10)	Tờ	120
34.	Biểu mẫu LỊCH SỬ BỆNH (Mẫu 1)	Tờ	120
35.	Biểu mẫu Mẫu KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ (Mẫu 4)	Tờ	600
36.	Biểu mẫu NGHIÊN CỨU THẢI ĐỘC CỦA PHỤ NỮ (Mẫu 9)	Tờ	600
37.	Biểu mẫu PHIẾU THEO DÕI CHỈ ĐỊNH (Mẫu 14)	Tờ	120
38.	Biểu mẫu THẺ KHÁM (Mẫu 2)	Tờ	360
39.	Biểu mẫu Tiếp nhận của bác sĩ PK Nga (Mẫu 19)	Tờ	120
40.	Decal Quy trình xử lý dụng cụ chịu nhiệt	Tờ	20
41.	Decal Quy trình xử lý dụng cụ hô hấp	Tờ	20
42.	From khám sức khỏe OEUK	Bộ	10,000
43.	From khám sức khỏe Thuyền viên	Tờ	10,000
44.	From khám sức khỏe trước khi bố trí công việc	Tờ	1,000
45.	From khám sức khỏe: Giấy chứng nhận sức khỏe Thuyền viên	Tờ	30,000
46.	From Petronas	Bộ	1,000
47.	Giấy cam đoan chấp nhận thực hiện thủ thuật nội soi tiêu hóa.	Tờ	3,000
48.	Giấy cam kết chấp nhận Phẫu thuật/Thủ thuật và gây mê hồi sức. (VIỆT NAM)	Tờ	3,000
49.	Giấy cam đoan chấp nhận thực hiện thủ thuật nội soi tiêu hóa tiền mê, gây mê. (NGA)	Tờ	1,000
50.	Giấy chứng nhận sức khỏe Certificate of Health - Petronas	Tờ	5,000
51.	Giấy chứng nhận sức khỏe Esuahai	Tờ	1,000

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	Số lượng
52.	Giấy chứng nhận sức khỏe làm việc trên biển (Biển Đông)	Tờ	1,000
53.	Giấy khám sức khỏe Certificate of Health - Học tập và định cư nước ngoài	Tờ	1,000
54.	Giấy khám sức khỏe đơn ngữ đủ 18 tuổi	Tờ	6,000
55.	Giấy khám sức khỏe MODEC	Tờ	500
56.	Giấy khám sức khỏe song ngữ Việt Anh dành cho người trên 18 tuổi	Tờ	60,000
57.	Giấy khám sức khỏe THEO YÊU CẦU PVEP BLOCKS 01\$02	Tờ	20,000
58.	Giấy khám sức khỏe thuyền viên panama	Bộ	2,000
59.	Giấy logo VSP- Trung tâm Y tế khổ A4 dọc	Tờ	1,500
60.	Hướng dẫn theo dõi - điều trị sốt xuất huyết tại nhà	Tờ	4,000
61.	Lời dặn bệnh nhân sau bó bột, sau mổ kết hợp xương	Tờ	1,000
62.	Lời dặn bệnh nhân và gia đình về bệnh tay chân miệng	Tờ	1,000
63.	Lời dặn bệnh nhân và gia đình về chấn thương đầu	Tờ	3,000
64.	Lời dặn bệnh nhân và gia đình về chấn thương đầu	Tờ	2,000
65.	Lời dặn bệnh nhân và gia đình về sốt	Tờ	3,000
66.	Lý lịch máy	Cuốn	123
67.	Phiếu Bệnh án cho BN thực hiện nội soi tiêu hóa gây mê	Tờ	3,000
68.	Phiếu chuẩn bị thực hiện nội soi	Tờ	3,000
69.	Phiếu công khai khám chữa bệnh nội trú	Tờ	2,000
70.	Phiếu dẫn dò bệnh nhân sau cắt Polyp	Tờ	2,000
71.	Phiếu đánh giá sức khỏe trước khi nội soi - (Việt nam)	Tờ	2,000
72.	Phiếu đánh giá sức khỏe trước khi nội soi không đau (NGA)	Bộ	1,000
73.	Phiếu điều trị VLTL-PHCN	Tờ	2,000
74.	Phiếu gây mê hồi sức	Tờ	3,000
75.	Phiếu hẹn nội soi dạ dày, đại tràng gây mê. (mẫu 1)	Tờ	3,000
76.	Phiếu hẹn nội soi dạ dày, đại tràng gây mê. (mẫu 2)	Tờ	1,000
77.	Phiếu hẹn nội soi Dạ dày, đại tràng	Tờ	3,000
78.	Phiếu khám bệnh và chỉ định nội soi	Tờ	3,000
79.	Phiếu khám sắc giác song ngữ Anh Việt	Tờ	60,000
80.	Phiếu khám sức khỏe lái xe	Tờ	5,000
81.	Phiếu khám tiền mê	Tờ	3,000
82.	Phiếu thông tin cho BN nội soi dạ dày gây mê.	Tờ	3,000
83.	Phiếu thông tin cho BN Nội soi đại tràng gây mê.	Tờ	3,000
84.	Phong bì 12x22cm	Cái	3,000
85.	Phong bì A4 25x35cm	Cái	300

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	Số lượng
86.	Phong bì A5 16x23cm	Cái	350
87.	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Cuốn	4
88.	Sổ giao nhận đồ vải A2 gấp đôi	Cuốn	6
89.	Sổ giao nhận dụng cụ A2 gấp đôi	Cuốn	6
90.	Sổ hẹn soi da dày, đại tràng gây mê	Quyển	2
91.	Sổ họp giao ban	Cuốn	39
92.	Sổ Khám Bệnh A5	Cuốn	40,000
93.	Sổ Khám Bệnh A5 nga	Cuốn	100
94.	Sổ Khám Bệnh nhi DVN. Size A5, bìa màu vàng	Cuốn	5,000
95.	Sổ Khám Bệnh nhi VSP, Size A5, bìa màu hồng	Cuốn	2,000
96.	Sổ khám bệnh trên CTB	Cuốn	56
97.	Sổ khám chữa bệnh dùng cho BHYT-VSP, Size A5, bìa màu xanh	Cuốn	12,000
98.	Sổ khám chữa bệnh dùng cho VIP, Size A5, bìa màu hồng	Cuốn	500
99.	Sổ khám sức khỏe định kỳ (Dành cho nhân viên phục vụ đời sống trên biển). Size A5, Bìa màu xanh	Cuốn	1,000
100.	Sổ khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ô tô. Size A4, bìa màu xanh	Cuốn	2,000
101.	Sổ khám sức khỏe định kỳ đơn ngữ NAM. Size A4, bìa màu xanh.	Cuốn	8,000
102.	Sổ khám sức khỏe định kỳ đơn ngữ NỮ. Size A4, bìa màu xanh.	Cuốn	5,000
103.	Sổ khám sức khỏe định kỳ song ngữ Việt-Anh. Size A4, bìa màu vàng.	Cuốn	8,000
104.	Sổ khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp. Size A4, bìa màu hồng	Cuốn	7,000
105.	Sổ khám thai	Cuốn	100
106.	Sổ nhận nước trên CTB	Tờ	32
107.	Sổ nhận thực phẩm trên CTB	Cuốn	39
108.	Sổ theo dõi sức khỏe nhân viên PVDS trên CTB	Cuốn	39
109.	Sổ thuyền viên A4, màu trắng	cuốn	1,500
110.	Túi đựng hồ sơ vải không dệt. Kích Thước: 26x33x15cm	Cái	5,100
111.	Túi giấy đ. Thuốc có in cách sử dụng. Kích Thước: 9x12 cm	Cái	14,800

Những người soạn thảo ký:

- Trưởng khoa CC-TNT: Nguyễn Quốc Bảo

- Trưởng Khoa YTDP-CNK: Trần Đức Tuấn

- Phụ trách tiếp nhận: Đỗ Đức Hạnh

- Trưởng khoa CDHA-XN-NS: Lê Chung

- Trưởng BP. VTTB: Vũ Đức Hải

- KS. VTTB: Trần Tiến Hùng